TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **22**/2025/DS-ST
Ngày 16-4-2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**
Bà **Nguyễn Thị Cúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Tới** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 407/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B1. Trụ sở: Tòa nhà HM, Đường N, Phường E, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T - Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 – Chức vụ: Chuyên viên hiện trường, địa chỉ: Số B N, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng và bà Huỳnh Thị Kim A, địa chỉ: Số A - A đường B tháng I, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền số 1137/24/BVBank/UQ- QL-THN ngày 15/10/2024). Bà A vắng mặt, ông T1 có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc B - Sinh năm: 1985; Địa chỉ: K Hải Phòng, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 – đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T1 trình bày:***

Ngày 06/12/2022, ông Nguyễn Ngọc B có ký với Ngân Hàng TMCP B1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 02922000218TD và đồng ý việc sử dụng thẻ sẽ tuân theo Điều khoản & Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B1.

Căn cứ vào hồ sơ của ông Nguyễn Ngọc B, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 45,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông B. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện 30 giao dịch mua hàng với tổng số tiền là: 106,573,255 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông B đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 13 giao dịch bao gồm gốc, lãi và phí với tổng số tiền là: 84,697,200 đồng (Thứ tự thanh toán thẻ căn cứ theo Điều 12 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B1).

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông B vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B1) bắt đầu giai đoạn quá hạn từ ngày 20/06/2024, Ngân hàng chúng tôi đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông B.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông B vay theo hình thức thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 21/12/2022 đến 31/12/2025, lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 35%/năm (2.92%/tháng), thay đổi theo từng thời kỳ, phí chậm thanh toán là 6% số tiền chậm thanh toán cộng dồn tất cả các kỳ chưa thanh toán (tối thiểu 100,000 đồng) và lãi suất quá hạn áp dụng là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại (tương ứng 52.50%/năm) khi vi phạm hợp đồng theo điểm g khoản 2 Điều 13 của Điều khoản & Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ông B đã giao dịch mua hàng trong 30 lần, số tiền tổng nợ gốc ông B đã vay thể hiện qua các giao dịch các lần là: 106,573,255 đồng.

Quá trình vay, ông B đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc, lãi và phí là: 84,697,200 đồng.

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông B vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B1 nên chúng tôi buộc ông B phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP B1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc B phải trả cho Ngân hàng tính đến hết ngày 16/4/2025 số tiền là: 64.052.768 đồng (Sáu mươi tư triệu không trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm sáu mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là: 44.790.000 đồng, nợ lãi là: 19.262.768 đồng và đề nghị Tòa án buộc ông B tiếp tục có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh

kể từ ngày 17/4/2025 cho đến khi trả dứt điểm khoản tiền nợ theo qui định của Ngân hàng TMCP B1.

**** Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc B đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.***

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Ngọc B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B1 số tiền tính đến ngày 16/4/2025 là 64.052.768 đồng (Sáu mươi tư triệu không trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm sáu mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là: 44.790.000 đồng, nợ lãi là: 19.262.768 đồng. Buộc ông Nguyễn Ngọc B tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 17/4/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 với bị đơn ông Nguyễn Ngọc B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Ngọc B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc B vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc B.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

[2.1] Ngày 07/12/2022, giữa ông Nguyễn Ngọc B và Ngân hàng TMCP B1 ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng Đ. Ngân hàng TMCP B1 đã cấp hạn mức tín dụng 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) với mục đích: tiêu dùng cá nhân; Lãi suất trong hạn: 35%/năm, thay đổi theo từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: 52,5%/năm (150% lãi suất trong hạn); phí thực hiện theo Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. HĐXX xét thấy các bên đã tự nguyện ký kết hợp đồng, hợp đồng hợp pháp về cả nội dung, hình thức nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Bị đơn, ông Nguyễn Ngọc B mặc dù đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B1 trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP B1, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc ông Nguyễn Ngọc B nợ Ngân hàng TMCP B1 số tiền tính đến ngày 16/4/2025 là 64.052.768 đồng (Sáu mươi tư triệu không trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm sáu mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là: 44.790.000 đồng, nợ lãi là: 19.262.768 đồng.

[2.3] Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Ngọc B không thực hiện việc thanh toán gốc và lãi, đến ngày 20/6/2024 Ngân hàng TMCP B1 chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Nguyễn Ngọc B, toàn bộ dư nợ chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng TMCP B1 căn cứ theo Điều 12, Điều 15 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng để khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc B thanh toán số tiền tính đến ngày 16/4/2025 là 64.052.768 đồng (Sáu mươi tư triệu không trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm sáu mươi tám đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 17/4/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có cơ sở, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.052.768 đồng x 5% = 3.202.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 92, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 280, Điều 351 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 15 Điều 4; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

- Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B1 đối với ông Nguyễn Ngọc B về việc *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"*.

Buộc ông Nguyễn Ngọc B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B1 số tiền gốc và lãi tính đến ngày 16/4/2025 là 64.052.768 đồng (Sáu mươi tư triệu không trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm sáu mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là: 44.790.000 đồng, nợ lãi là: 19.262.768 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc B phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 07/12/2022 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 17/4/2025 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.202.000 đồng (Ba triệu hai trăm linh hai ngàn đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B1 số tiền tạm ứng án phí 1.295.305 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm lẻ năm đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0004746 ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trinh